

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2020/HS-ST

Ngày: 27-02-2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H- TỈNH QUẢNG NINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Duyên

***Các hội thẩm nhân dân:*** Bà Lê Thị Thanh Hương (giáo viên)

Ông Lê Như Toàn

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Cảnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Mạnh Tiến- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị T.** Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ 10A khu 4A phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị N- sinh năm 1934. Chồng: Nguyễn Văn D- sinh năm 1970; Có 03 con: lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Chưa. Nhân thân: Ngày 25/4/2007 TAND Tp H xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội « đánh bạc ». Ngày 11/01/2010 bị TAND Tp H xử phạt 09 tháng tù về tội « trộm cắp tài sản ». Ngày 21/9/2011 chấp hành xong hình phạt tù. Bị bắt, tạm giam ngày 22/10/2019, có mặt tại phiên tòa.

***\*Bị hại:*** 1. Nguyễn Mạnh T- sinh ngày 18/02/2007. Nơi ĐKKHKT: Tổ 76 khu 7 phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Anh N và bà Ngô Thị Hồng C. Cùng trú tại Tổ 76 khu 7 phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh – Điều có đơn xin xử vắng mặt

2. Dương Trung H- sinh ngày 08/12/2006. Nơi ĐKKHKT: Tổ 3 khu 2 phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Dương Tiến Đ và bà Chu Thị T. Cùng trú tại Tổ 3 khu 2 phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh - Đều có đơn xin xử vắng mặt

3. Vi Trần Thúy A- sinh ngày 31/5/2004. Nơi ĐKKHKT: Tổ 2 khu 5 phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Vi Văn L và bà Trần Thị Ng. Cùng trú tại Tổ 2 khu 5 phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh - Đều có đơn xin xử vắng mặt

4. Nguyễn Đức A- sinh ngày 16/11/2005. Nơi ĐKKHKT: Tổ 4 khu 5 phường Hồng H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Xuân Th và bà Bùi Thị Thu H. Cùng trú tại Tổ 4 khu 5 phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh - Đều có đơn xin xử vắng mặt

5. Phạm Tuấn A- sinh ngày 18/6/2003. Nơi ĐKKHKT: Tổ 2 khu 4 phường Hồng H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh - có mặt

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Phạm Văn Th và bà Cao Thị Tuyết H. Cùng trú tại Tổ 2 khu 4 phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh – Ông Th vắng mặt, bà H có mặt.

*\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* 1. Nguyễn Xuân H1- sinh năm 1990. Nơi ĐKKHKT: Khu 82, khu 5 phường B, Thành phố H, tỉnh Quảng Ninh- vắng mặt.

2. Nguyễn Quốc Th1- sinh năm 1979. Nơi ĐKKHKT: Tổ 19 khu 2B phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh- Có đơn xin xử vắng mặt.

*\*Đại diện trường trung học cơ sở L:* Bà Trần Thị Y- có mặt. Đại diện các trường trung học cơ sở K, THCS B, THCS L, Trung tâm Hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Ninh- vắng mặt.

*\*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp* cho các bị hại Dương Trung H, Vi Trần Thúy A, Nguyễn Đức A: Ông Đào Bá Y- Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh- có mặt.

*\* Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp* cho bị hại Nguyễn Mạnh T: ông Trần Quý C- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ninh- có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 13/02/2019 đến ngày 28/9/2019, tại địa bàn thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Thị T có hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các cháu Nguyễn Đức A 01 xe máy nhãn hiệu VIETTHAI biển kiểm soát 14AA-032.64 trị giá 11.834.000đồng; cháu Dương Trung H 01 xe máy

điện nhãn hiệu MONMENTUM biển kiểm soát 15MĐ1-029.76 trị giá 5.829.000đồng; cháu Phạm Tuấn A 01 xe máy điện nhãn hiệu MONMENTUM biển kiểm soát 14MĐ1-032.41 trị giá 5.293.000đồng; cháu Vi Trần Thúy A 01 xe máy nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 14AA-001.94 trị giá 6.888.000đồng; cháu Nguyễn Mạnh T 01 xe máy điện nhãn hiệu MONMENTUM biển kiểm soát 14MĐ1-014.78 trị giá 5.525.000đồng, tổng giá trị tài sản 35.369.000đồng, sau đó đem bán cho Nguyễn Xuân H1 và Nguyễn Quốc Th1 được 6.000.000đồng và đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSHL ngày 13/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g, i khoản 1 điều 52 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 18(mười tám) tháng tù đến 24(hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt. Áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 điều 106 BLTTHS, tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị T 5.100.000đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận đã nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt xe máy, xe máy điện của các cháu học sinh trên địa bàn thành phố H rồi đem bán kiếm lời. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ một ngày giữa tháng 02/2019 bị cáo đến khu vực công viên L, nhìn thấy nhóm các cháu học sinh đang tập nhảy ở khu vực giữa công viên nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe. Bị cáo hỏi “Cháu nào có xe cho cô đi nhờ về lấy ống nước” và có 1 cháu trai cao, gầy, đeo kính (sau này biết là Nguyễn Đức A) đã lấy 01 xe Cub, màu vàng nhạt chở bị cáo đi đến khu vực Hồ Cô Tiên thuộc tổ 12 khu 2B phường H thì bị cáo nói dối là đã đến gần nhà để mượn xe vào lấy ống nước rồi ra ngay. Sau khi được cháu Đức A giao xe thì bị cáo điều khiển đến cửa hàng mua bán xe cũ của anh Nguyễn Quốc Th1 ở phường C bán với giá 900.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ một ngày cuối tháng 8/2019, bị cáo đi đến khu vực chợ L, mục đích xem có cháu học sinh nào đi xe điện sẽ lừa đảo chiếm đoạt. Bị cáo nhìn thấy cháu trai (sau này biết là H) đang đi xe máy điện màu đen cam tại khu vực cổng nhà văn hóa khu 2 phường Y, bị cáo giả vờ là người quen của mẹ cháu H và nhờ H chở về lấy tiền đi chợ. Cháu H chở bị cáo đến khu vực Phố Mới, phường T thì bị cáo bảo cháu dừng lại và mượn xe vào nhà lấy tiền. Sau đó, bị cáo đã đem đến cửa hàng của anh Nguyễn Quốc Th1 bán với giá 900.000đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 16 giờ một ngày giữa tháng 9/2019, bị cáo đi bộ đến gần sân bóng trường Hướng nghiệp thuộc tổ 2 khu 4 phường H thì nhìn thấy một cháu trai (sau này biết là Tuấn A) đang ngồi trên xe đạp điện màu đen đỏ, bị cáo vẫy

sang nhờ chở đi tìm con. Cháu trai đã chở bị cáo đến khu Monbay thuộc khu 6A phường H thì bị cáo bảo cháu đưa xe để bị cáo tự vào trong Monbay tìm con. Sau khi được giao xe, bị cáo đem bán cho anh Th1 được 800.000đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 17 giờ một ngày giữa tháng 9/2019, bị cáo đi bộ đến khu vực công viên L, đối diện UBND phường B, gặp 02 cháu gái đang đứng cạnh xe máy, bị cáo hỏi đi nhờ xe tìm con trai và được 1 cháu(sau này biết là cháu Thúy A) chở đi bằng xe cub màu xanh. Đến khu vực thuộc tổ 2 khu 6A phường H, bị cáo bảo cháu xuống xe rồi đem bán cho anh Th1 giá 900.000đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 13 giờ một ngày cuối tháng 9/2019 bị cáo đến khu vực lối rẽ lên trường trung học phổ thông B và phát hiện 02 cháu học sinh (sau này biết là Nguyễn Mạnh T và Đinh Quốc H) đang ngồi trên xe máy điện màu đỏ đen liền đến gần và xin đi nhờ để tìm con đang đi đá bóng, đồng thời hứa cho các cháu 100.000đồng ăn quà. Đi được 1 đoạn bị cáo bảo 1 cháu xuống chờ vì ngồi 3 chạt, đến khu vực đối diện khách sạn LOTUS phường B, bị cáo hỏi mượn xe tự lái đi tìm con. Sau khi được giao xe, bị cáo đem bán cho cửa hàng xe đạp điện của Nguyễn Xuân H1 ở K (khu 5 phường B) được 2.500.000đồng.

Ngoài ra bị cáo khai, tất cả những lần lừa đảo này, bị cáo đều có mục đích từ trước là tìm những cháu đang độ tuổi học sinh, đi xe máy điện, nói dối là nhờ chở đi tìm con hoặc về nhà lấy tiền... để các cháu tin tưởng giao xe, sau đó chiếm đoạt. Số tiền bán 5 xe được 6.000.000đồng bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Khi bán xe cho anh Th1, anh H1, bị cáo đều nói dối là xe của con, cháu không dùng đến nên đem bán.

Bị hại Nguyễn Đức A, Dương Trung H, Phạm Tuấn A, Nguyễn Mạnh T, Vi Trần Thúy A đều khai thể hiện nội dung: Các cháu đều bị một phụ nữ trung tuổi, to béo, mặc áo chống nắng và bịt khẩu trang đến nhờ chở đi tìm con hoặc nhờ chở về nhà lấy tiền đi chợ, nhờ chở về nhà lấy ống nước tưới cây..., sau khi được các cháu chở đi lòng vòng (theo chỉ dẫn của bị cáo) thì bị cáo đều yêu cầu các cháu xuống xe giao lại xe cho bị cáo tự đi vì đã về gần nhà, sau đó không thấy bị cáo quay lại nên các cháu đã trình báo công an.

Riêng bị hại Vi Trần Thúy A khai: Sau khi cháu Thúy A đưa xe cho bị cáo điều khiển và đi lòng vòng đến trước cửa quán cà phê MIAO ở phố Hải Bình, phường H, thấy đường vắng không có người, bị cáo đi chậm lại rồi đẩy cháu Thúy A ngã xuống đường rồi phóng xe chạy mất.

Anh Nguyễn Quốc Th1 khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến cuối tháng 9/2019, anh Th1 đã mua của bị cáo T 01 xe gắn máy màu vàng, anh không nhớ BKS, giá 900.000đồng, (chiếc xe này sau đó anh đã bán lại cho người khác); 01 xe cup màu xanh nhãn hiệu ESPERO, anh không nhớ BKS, giá 900.000đồng, 01 xe máy điện màu đỏ đen BKS 14MĐ1- 032.41 giá 800.000đồng, 01 xe máy điện BKS 15MĐ1-209.76 giá khoảng 800.000đồng- 900.000đồng.

Anh Nguyễn Xuân H1 khai: Khoảng 16 giờ ngày 28/9/2019, anh có mua của 01 phụ nữ 01 xe máy điện màu đỏ đen BKS 14MĐ1-014.78 giá 2.500.000đồng tại cửa hàng xe máy của anh ở 57 K, thành phố H. Anh Th1 và anh H1 đều xác nhận tất cả xe trên khi mua bán đều không viết giấy tờ và cũng không có giấy tờ đăng ký xe, khi mua không biết là xe do bị cáo phạm tội mà có. Nay cơ quan điều tra đã thu hồi xe trả cho bị hại nên anh Th1 và anh H1 không có yêu cầu gì đối với số tiền đã bỏ ra mua xe.

Những người làm chứng là các cháu Nguyễn Hồng Ng, Đinh Quốc H đều khai được chứng kiến bị cáo T hỏi Vi Trần Thúy A và Nguyễn Mạnh T để đi nhờ xe tìm con trai, sau đó chiếm đoạt xe của Thúy A và T.

Kết luận định giá tài sản số 207/KLĐG ngày 25/10/2019 và số 225 ngày 11/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H đã kết luận: 01 xe máy điện nhãn hiệu MONMENTUM biển kiểm soát 15MĐ1-029.76 trị giá 5.829.000đồng; 01 xe máy điện nhãn hiệu MONMENTUM biển kiểm soát 14MĐ1-032.41 trị giá 5.293.000đồng; 01 xe máy nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 14AA-001.94 trị giá 6.888.000đồng; 01 xe máy điện nhãn hiệu MONMENTUM biển kiểm soát 14MĐ1-014.78 trị giá 5.525.000đồng; 01 xe máy nhãn hiệu VIETTHAI biển kiểm soát 14AA-032.64 trị giá 11.834.000đồng; tổng giá trị tài sản 35.369.000đồng.

Luật sư và trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các bị hại đều nhất trí với đề nghị của VKSND thành phố H về tội danh và hình phạt, về phần bồi thường dân sự các bị hại đều đã được bồi thường nên không có đề nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, thừa nhận do cần tiền tiêu xài nên đã tìm cách tiếp cận các đối tượng là các cháu học sinh có sử dụng xe đạp điện, xe máy điện, sau đó đưa ra thông tin gian dối (như nhờ chở đi tìm con, nhờ chở về nhà lấy tiền, lấy ống nước tưới cây...) và đã lợi dụng lòng tốt, sự cả tin của các cháu để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã sử dụng thủ đoạn tinh vi, đưa ra thông tin giả dối để nhờ vả các cháu nhỏ tin tưởng giao xe cho bị cáo, sau đó đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Lời khai của các bị hại phù hợp với lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm, bối cảnh bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe. Lời khai của những người mua xe của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, bị cáo về loại xe bị chiếm đoạt, thời gian chiếm đoạt sau đó đem bán.

Đối với trường hợp cháu Vi Trần Thúy A, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo và cháu Thúy A, bị cáo khẳng định không đẩy cháu xuống đường mà chỉ bảo cháu xuống xe để tự đi, ngoài ra do đường vắng không có người chứng

kiến nên không có căn cứ xác định bị cáo đẩy cháu Thúy A xuống đường rồi phóng xe đi.

Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, trên cơ sở kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản, thấy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 13/02/2019 đến ngày 28/9/2019, tại các phường H, phường T, phường H trên địa bàn thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt của các cháu Nguyễn Đức A 01 xe máy nhãn hiệu VIETTHAI trị giá 11.834.000đồng; cháu Dương Trung H 01 xe máy điện nhãn hiệu MONMENTUM trị giá 5.829.000đồng; cháu Phạm Tuấn A 01 xe máy điện nhãn hiệu MONMENTUM trị giá 5.293.000đồng; cháu Vi Trần Thúy A 01 xe máy nhãn hiệu ESPERO trị giá 6.888.000đồng; cháu Nguyễn Mạnh T 01 xe máy điện nhãn hiệu MONMENTUM trị giá 5.525.000đồng, tổng giá trị tài sản 35.369.000đồng (ba mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng), sau đó đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 174 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử vào các năm 2007, 2010, tuy đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật, lười lao động, ham lời bất chính. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại về kinh tế mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, nhất là các gia đình có con em đang độ tuổi đến trường. Bị cáo thực hiện hành vi một cách công khai công khai, táo tợn, nhằm vào các đối tượng trẻ em- là các đối tượng còn non nớt về nhận thức và kinh nghiệm sống, đang được sự bảo vệ đặc biệt bởi các chính sách, pháp luật của nhà nước nên phải xử lý nghiêm khắc để đảm bảo cho việc cải tạo, giáo dục bị cáo.

[2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần, đối với các bị hại là người dưới 16 tuổi nên phải chịu 2 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, điểm i khoản 1 điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, bồi thường khắc phục hậu quả một phần, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đảm bảo khách quan, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về phần bồi thường dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Xe của cháu Đức A không thu hồi được, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường, các

bị hại đều không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết. Trong số tiền bán xe 6.000.000đồng có 900.000đồng nằm trong số tiền bị cáo đã bồi thường giá trị xe cho cháu Đức A, còn 5.100.000đồng là tiền thu lời bất chính cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g, i khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Thị T 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 22/10/2019.

Áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu của bị cáo 5.100.000đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng điều 136, điều 331, điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKS; CA TP H;
- TD tỉnh Quảng Ninh;
- THA dân sự TP H;
- Bị cáo, bị hại, người ĐD hợp pháp của bị hại, người có QLNVLQ
- Người bảo vệ QLIHP của bị hại
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Duyên**